TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:140/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2018
V/v "tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Diễm**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Mã Thanh Trung**
2. Ông **Lý Minh Hùng**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nhan Minh Hoàng** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 262/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé T,** sinh năm 1964.
Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
2.Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T,** sinh năm 1968.
Địa chỉ: Ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
Bà Bé T có mặt; ông T có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 11/4/2018 và lời khai tại Tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé T trình bày: Do mai mối nên bà và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1988, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau nên mất hạnh phúc. Vợ chồng còn ở chung một nhà nhưng đã ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm L, sinh ngày 06/7/1991 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 08/01/1996. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được. Về tài sản chung là 8.000m^2 đất lúa do bà đứng tên và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Về nợ chung: Không có.

Nay bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Do các con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn T tại Biên bản hòa giải ngày 18/6/2018 trình bày: Quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà Nguyễn Thị Bé T trình bày là đúng. Nay bà Bé T xin ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung: Do các con đã

trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị B é T và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988. Trong thời gian chung sống bà T và ông T không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Nay bà B é T xin ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý. Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà B é T và ông T không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà B é T và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm L, sinh ngày 06/7/1991 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 08/01/1996. Hiện các con đã trưởng thành và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà B é T và ông T cùng xác định có tài sản chung là 8.000m^2 đất lúa do bà đứng tên và 01 căn nhà cấp 4 tọa lạc tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng bà B é T và ông T tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, nếu bà B é T và ông T có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà B é T và ông T cùng xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét,

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị B é T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Xử*:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B é T và ông Nguyễn Văn T.

2.Về con chung: Các con chung đã trưởng thành và lao động được đồng thời cũng không có ai yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3.Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B é T và ông Nguyễn Văn T cùng xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

4.Về nợ chung: Không có.

5.Về án phí: Bà Nguyễn Thị B é T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà B é T đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai số 08489 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như bà B é T thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

6.Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị B é T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Ông Nguyễn Văn T được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M, Huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Diễm